TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 3 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Giang.

2. Bà Trần Thị Hoài Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Việt Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 403/2022/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2022, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị B, sinh năm 2000 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1994 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã V, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/12/2022 cùng các văn bản khác kèm theo, nguyên đơn là bà Lê Thị B trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 2015 bà và ông Phạm Văn T chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh C ngày

13/02/2018. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường hay tranh cải. Mặc dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Bà và ông Phạm Văn T đã không còn sống chung với nhau từ năm 2021. Nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn T. Về con chung có 02 người tên là Phạm Triệu V (giới tính nữ), sinh ngày 11/9/2015 và Phạm Băng B (giới tính nữ), sinh ngày 22/8/2017. Hiện tại cả hai người con đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai người con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 18/01/2023, bị đơn là ông Phạm Văn T trình bày:

Ông (Phạm Văn T) thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thị B về thời gian xác lập vợ chồng, việc có đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng và thời gian không còn sống chung là đúng. Nay bà Lê Thị B yêu cầu ly hôn với ông, ông đồng ý ly hôn bà Lê Thị B. Về con chung có hai người tên là Phạm Triệu V (giới tính nữ), sinh ngày 11/9/2015 và Phạm Băng B (giới tính nữ), sinh ngày 22/8/2017. Hiện cả hai người con chung đang do bà Lê Thị B nuôi dưỡng, ông đồng ý giao cả hai người con chung cho bà Lê Thị B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Đồng thời ông yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện chính quyền địa phương xã V, huyện P, tỉnh C xác định: Bà Lê Thị B và ông Phạm Văn T không có yêu cầu hòa giải nên chính quyền địa phương không xác định được tình trạng mâu thuẫn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị B và ông Phạm Văn T. Giao cả hai người con chung tên là là Phạm Triệu V (giới tính nữ), sinh ngày 11/9/2015 và Phạm Băng B (giới tính nữ), sinh ngày 22/8/2017 cho bà Lê Thị B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị B về việc không yêu cầu ông Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê Thị B phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng:* Bà Lê Thị B yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Phạm Văn T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Lê Thị B và ông Phạm Văn T xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2]. *Xét về hôn nhân:* Bà Lê Thị B và ông Phạm Văn T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa bà Lê Thị B và ông Phạm Văn T được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay tranh cải mà không thể tự hòa giải, hàn gắn. Nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà Lê Thị B yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn T. Ông Phạm Văn T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Lê Thị B. Xét thấy, ông Phạm Văn T đồng ý ly hôn với bà Lê Thị B nên có cơ sở ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị B và ông Phạm Văn T.

[3]. *Về con chung:* Có 02 người tên là Phạm Triệu V (giới tính nữ), sinh ngày 11/9/2015 và Phạm Băng B (giới tính nữ), sinh ngày 22/8/2017 hiện đang do bà Lê Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, bà Lê Thị B yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cả hai người con, không yêu cầu ông Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con. Ông Phạm Văn T thống nhất giao cả hai người con chung cho bà Lê Thị B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông Phạm Văn T không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa bà Lê Thị B và ông Phạm Văn T là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc nên có cơ sở ghi nhận.

[4]. *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Lê Thị B và ông Phạm Văn T xác định không có, đồng thời không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê Thị B phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 cùng của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị B và ông Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao Phạm Triệu V (giới tính nữ), sinh ngày 11/9/2015 và Phạm Băng B (giới tính nữ), sinh ngày 22/8/2017 cho bà Lê Thị B chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi Phạm Triệu V và Phạm Băng B đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị B về việc không yêu cầu ông Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Lê Thị B đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018484, ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- UBND xã V, huyện P, tỉnh C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Phước